

CHỨNG THƯ CHẤT LƯỢNG
INSPECTION CERTIFICATE
Số/No: 0189/2025/SP



- Tên hàng hóa: NPK HAOSITE 18-6-6+TE
Product name: NPK HAOSITE 18-6-6+TE
- Khối lượng: 344 tấn
Quantity: 344 Tons
- Thông tin sản phẩm:
- NPK HAOSITE 18-6-6+TE bao 50KG : 344.00 tấn
NSX: 10/03/2025; HSD: 36 tháng kể từ NSX
Ngoại quan sản phẩm: Dạng hạt, rắn
- Xuất xứ/nơi sản xuất hàng hóa: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Origin of goods: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, U Minh District, Ca Mau Province, Viet Nam
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy Đạm Cà Mau, Xã Khánh An, Huyện U Minh, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam
Place of inspection: Ca Mau Fertilizer Plant, Khanh An Commune, U Minh District, Ca Mau Province, Viet Nam
- Thời gian thực hiện: 14/03/2025 07:10:31
Time of inspection: 14/03/2025 07:10:31
- Giám định viên: Bùi Hồng Yên, Trần Quang Thoại
Inspector: Bùi Hồng Yên, Trần Quang Thoại
- Nội dung giám định: Theo TCCS 100:2024/PVCFC
Based on: The Standard TCCS 100:2024/PVCFC
- Kết quả phân tích mẫu:
Analysis results:

STT <i>No</i>	Tên chỉ tiêu <i>Components</i>	Phương pháp thử <i>Testing Method</i>	Đơn vị <i>Unit</i>	Tiêu chuẩn kỹ thuật <i>Specifications</i>	Kết quả <i>Results</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	Đạm tổng số (Nts)	TCVN 5815:2018	%	18	19.06	
2	Lân hữu hiệu (P2O5hh)	TCVN 8559:2010	%	6	5.98	
3	Kali hữu hiệu (K2Ohh)	TCVN 8560:2018	%	6	5.99	
4	Độ ẩm	TCVN 5815:2018	%	5	0.75	
5	Tổng hàm lượng NPK	Phương pháp tính toán	%	>27.9	30.53	
6	Fe	TCVN 9283:2018	ppm	50	2945.5	
7	Kẽm (Zn)	TCVN 9289:2012	ppm	50	207.0	

- Kết luận: Phù hợp TCCS 100:2024/PVCFC
Conclusion: In conformity with the Standard TCCS 100:2024/PVCFC

TRƯỞNG PHÒNG CÔNG NGHỆ

Manager of Process Department

Ký bởi: Nguyễn Văn Bình

Ngày ký: 20/03/2025 07:48:46

Tổ chức xác thực: PVCFC CA